TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Đóng góp của PGVN trong thời kỳ kháng chiến chống Thực dân Pháp (1945-1954)

ISSN: 2734-9195 15:10 25/11/2025

Có thể khẳng định, thắng lợi của cuộc kháng chiến giành độc lập và thống nhất đất nước là kết quả của sự hy sinh, nỗ lực từ mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, trong đó tầng lớp tăng ni, phật tử đã có những đóng góp đáng tự hào.

Tác giả: **Ths. Lê Thị Hường (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, Phật giáo luôn gắn bó mật thiết và đồng hành cùng dân tộc. Truyền thống "**hộ quốc an dân**" của Phật giáo Việt Nam đã hun đúc nên tinh thần yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì vận mệnh Tổ quốc trong nhiều thời kỳ chống ngoại xâm. Đặc biệt, ở thời đại Hồ Chí Minh, giới tu hành Phật giáo (Tăng, Ni) và đông đảo tín đồ Phật tử đã có những cống hiến nổi bật qua các chặng đường cách mạng. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945), thực dân Pháp quay lại nổ súng xâm lược Việt Nam, trong bối cảnh cuộc kháng chiến trường kỳ của toàn dân tộc chống sự xâm lược của thực dân Pháp (1945-1954), Phật giáo Việt Nam không đứng ngoài cuộc mà luôn kề vai sát cánh cùng toàn dân đánh giặc, cứu quốc.



Ảnh tư liệu Kháng chiến chống Pháp (nguồn: Internet)

Ngay từ những ngày đầu giành được chính quyền năm 1945, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đề ra chính sách đại đoàn kết toàn dân, trong đó chú trọng đoàn kết đồng bào lương - giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng để tập hợp mọi lực lượng yêu nước. Chính thái độ tôn trọng tôn giáo và tạo điều kiện cho người có đạo tham gia cách mạng đã khích lệ giới Phật giáo tích cực hưởng ứng *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19/12/1946) (Hồ Chí Minh, 1946, tr. 534-535). Với phương châm "Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi gắn mình vào với dân tộc Việt Nam", các chức sắc và tín đồ Phật giáo đã ý thức rõ trách nhiệm cứu nước, xem đó là hành động thể hiện tinh thần từ bi và vô ngã vị tha của đạo Phật.

1. Đóng góp của tăng ni trong kháng chiến chống Pháp

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hưởng ứng chủ trương đại đoàn kết của Mặt trận Việt Minh, giới Tăng sĩ Phật giáo ở cả ba miền đã thành lập các tổ chức Phật giáo cứu quốc nhằm tập hợp lực lượng tham gia kháng chiến. Tại Hà Nội, ngày 28/8/1945, *Hội Phật giáo cứu quốc* Việt Nam được thành lập với thành phần Ban chấp hành gồm cả chư tăng (Hoà thượng Thích Thanh Thao làm Hội trưởng) và cư sĩ trí thức (Bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết làm Phó Hội trưởng). Sự ra đời của *Hội Phật giáo cứu quốc* đánh dấu bước ngoặt lịch sử, khẳng định Phật giáo chính thức đứng vào hàng ngũ Mặt trận Việt Minh, cùng chung mục tiêu "cứu quốc" (Nguyễn Đại Đồng, 2014). Từ Trung ương đến các địa phương, hàng loạt tổ chức "Tăng già cứu quốc" và "Phật giáo cứu quốc" được thành lập trong năm 1946, trở thành mạng lưới quy tụ tăng ni, phật tử tham gia kháng chiến

rộng khắp cả nước.



Hòa thượng Thích Thanh Thao (ảnh: Internet)

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều vị cao tăng đã trực tiếp đảm nhiệm vai trò lãnh đạo phong trào yêu nước tại địa phương. Tiêu biểu ở Bắc Bộ có các Hòa thượng Thích Thế Long (tức cư sĩ Phạm Thế Long), Thích Tâm An, Thích Thanh Chân… là những người đứng đầu *Hội Phật giáo cứu quốc Bắc Bộ*, tích cực vận động tăng tín đồ ủng hộ kháng chiến. Chùa chiền khắp miền Bắc được mở cửa cho cách mạng: hầu hết các ngôi chùa lớn nhỏ đều trở thành cơ sở nuôi giấu cán bộ, kho dự trữ lương thực, hoặc nơi liên lạc bí mật của Việt Minh. Chẳng hạn, ở Hà Nội có chùa Quảng Bá, chùa Linh Quang, chùa Ngọc Hồi, chùa Tứ Khánh, chùa Thanh Trì…; chùa Trại Sơn, chùa Trúc Động… ở Hải Phòng; chùa Cổ Lễ, chùa Vọng Cung… ở Nam Định; chùa Hoa Sơn, chùa Bích Động… ở Ninh Bình, tất cả đều được sử dụng làm nơi hội họp, cất giấu vũ khí hoặc đặt trạm chỉ huy chiến dịch (Nguyễn Đại Đồng, 2014). Nhiều nhà sư đồng thời cũng là thầy giáo mở lớp bình dân học vụ ngay tại chùa, góp phần xóa nạn mù chữ cho nhân dân theo chủ trương “diệt giặc dốt” của Chính phủ. Có thể nói, trong những năm đầu kháng chiến gian khổ, các chùa chiền thực sự là “pháo đài hậu phương”, nơi kết nối lực lượng cách mạng với quần chúng Phật tử, đảm bảo hậu cần cho cuộc chiến đấu trường kỳ.

Đặc biệt, phong trào “Cởi áo cà sa, khoác chiến bào” do Phật giáo phát động đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử kháng chiến chống Pháp. Phong trào này

khích lệ các vị tu hành gác bỏ áo nhà Phật, trực tiếp ra chiến trường tham gia kháng chiến cứu nước. Tiêu biểu là sự kiện diễn ra tại chùa Cổ Lễ (Nam Định) ngày 27/02/1947. Hòa thượng Thích Thế Long đã tổ chức lễ "giải pháp y", tiễn 27 nhà sư lên đường tham gia Vệ quốc đoàn. Ngay sau buổi lễ đầy xúc động, 27 tăng sĩ (trong đó có cả ni cô) đã gia nhập Trung đoàn 34, hình thành Trung đội Phật tử Cổ Lễ do chính các sư chỉ huy. Sự kiện này mở đầu cho hàng loạt nhà sư ở nhiều nơi noi gương. Tại Hải Phòng, 15 vị sư thuộc Đoàn "Bộ đội Tăng già" ở Thủy Nguyên cũng tình nguyện nhập ngũ, hăng hái lên đường cầm súng chiến đấu. Ở Ninh Bình, trong lực lượng dân quân tự vệ địa phương năm 1947 có tới 60 sư ni tham gia công tác tiếp tế, tuần tra; nhiều người sau đó trở thành y tá, hộ lý phục vụ các đơn vị bộ đội (Bùi Hữu Dược, 2023). Những con số và sự kiện cụ thể này cho thấy tinh thần xả thân vì nước của tầng lớp tu hành Phật giáo: họ sẵn sàng hy sinh thân mạng để bảo vệ Tổ quốc, đúng như tinh thần "vô úy" (không sợ hãi) mà đạo Phật đề cao. Nhà nước ta đã ghi nhận sự hy sinh đó: nhiều nhà sư, chiến sĩ đã ngã xuống trong kháng chiến chống Pháp và được truy tặng danh hiệu liệt sĩ, lưu danh tại các bia tưởng niệm ở địa phương, đơn cử như chùa Cổ Lễ hiện thờ phụng 12 liệt sĩ là các sư đã anh dũng hy sinh vì nền độc lập của dân tộc.

Bên cạnh nhân lực, Phật giáo còn đóng góp đáng kể về vật lực cho kháng chiến. Hưởng ứng chính sách "Tiêu thổ kháng chiến" (vườn không nhà trống) của Chính phủ, *Hội Phật giáo cứu quốc* đã tự nguyện phá hủy nhiều tài sản tôn giáo để ngăn giặc lợi dụng, đồng thời thể hiện rõ tinh thần vì nước, hỗ trợ kháng chiến cứu quốc. Một ví dụ tiêu biểu là Nhà in Đuốc Tuệ (cơ sở in ấn kinh sách Phật giáo ở Hà Nội) đã được Hội Phật giáo hiến cho kháng chiến. Đến năm 1947, cơ sở này bị phá dỡ, nhằm lấy kim loại phục vụ công binh xưởng, đồng thời tránh rơi vào tay địch. Nhiều chùa triền ở vùng chiến sự cũng sẵn sàng "hy sinh", trong đó chùa Cổ Lễ sau khi tiễn 27 nhà sư ra trận đã chủ động di dời đại hồng chung nặng 9 tấn đem giấu dưới hồ và đóng cửa chùa để toàn bộ Tăng chúng tham gia kháng chiến. Những đóng góp âm thầm ấy thể hiện rõ quan điểm "Phật pháp bất ly thế gian pháp", việc đạo không tách rời việc đời của Phật giáo Việt Nam. Giới Tăng Ni đã cho thấy đạo hạnh chân chính gắn liền với lòng yêu nước, bảo vệ đạo pháp cũng chính là bảo vệ đất nước trước hiểm họa của giặc ngoại xâm.



Chùa Hoa Sơn (ảnh: Internet)

Không chỉ ở miền Bắc, phong trào tăng ni yêu nước còn sôi nổi tại các vùng Trung Bộ và Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp. Tại Trung Bộ, nhiều vị cao tăng như Hòa thượng Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể... đã tham gia Mặt trận Việt Minh ngay từ những năm 1945-1946. Các tỉnh miền Trung đều thành lập Hội Phật giáo cứu quốc cấp tỉnh, huyện và hoạt động tích cực. Nhiều tăng sĩ trẻ nhiệt huyết như Thích Tâm Hoàn, Thích Kế Châu, Thích Huyền Quang... phối hợp với Đoàn Phật học Đức Dục (tổ chức thanh niên Phật tử yêu nước do Bác sĩ Lê Đình Thám sáng lập) để vận động quần chúng, truyền bá tinh thần yêu nước trong tín đồ. Còn tại Nam Bộ, tiêu biểu là Hòa thượng Thích Minh Nguyệt - người được bầu làm Hội trưởng *Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ* (thành lập năm 1947). Hòa thượng Minh Nguyệt đã nêu tuyên ngôn đầy khí phách: *"Đứng trước họa xâm lăng đe dọa Tổ quốc, người Phật tử không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh... Tăng Ni, Phật tử phải quên mình cứu độ chúng sinh"* (Bùi Hữu Dược, 2023). Lời hiệu triệu này đã cổ vũ mạnh mẽ tăng tín đồ miền Nam đứng lên chống thực dân. Dưới sự dẫn dắt của chư tôn đức, nhiều chùa ở Nam Bộ trở thành nơi quyên góp lương thực, thuốc men gửi ra chiến khu; đồng thời chở che cán bộ Việt Minh thoát khỏi sự truy lùng của địch. Có thể khẳng định, dù ở bất cứ miền nào, giới Tăng Ni Phật giáo cũng nêu cao tinh thần *"Cư trần lạc đạo"*, tức là sống giữa trần thế nhưng vẫn hành đạo, mà hành đạo lúc này chính là yêu nước, phụng sự dân tộc.

2. Đóng góp của phật tử, cư sĩ trong kháng chiến chống Pháp

Đối với hàng triệu cư sĩ, phật tử Việt Nam, kháng chiến chống Pháp không chỉ là nhiệm vụ của "người dân yêu nước" mà còn là sứ mệnh thiêng liêng của người con Phật đối với quê hương. Nhờ chính sách đoàn kết tôn giáo đúng đắn của Đảng, đồng bào Phật tử đã nhận thức rõ cuộc kháng chiến chính là để bảo vệ độc lập tự do - những giá trị phù hợp với tinh thần từ bi, cứu khổ của đạo Phật. Các tầng lớp Phật tử, từ trí thức thành thị đến nông dân, tiểu thương, đều tích cực tham gia các đoàn thể cứu quốc và phong trào kháng chiến tại địa phương. Thông qua các tổ chức Phật giáo cứu quốc do chư tăng lãnh đạo, đông đảo tín đồ đã có thêm cơ hội đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Chẳng hạn, tại Nam Bộ, ngay sau khi *Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ* thành lập năm 1947, nhiều Phật tử đã hăng hái gia nhập mặt trận, vận động người thân, xóm giềng hưởng ứng lời kêu gọi cứu nước. Họ quyên góp tiền của, vàng bạc để ủng hộ bộ đội Nam tiến và Quỹ kháng chiến Nam Bộ.

Tại Bắc Bộ, phong trào Phật tử "hộ quốc" cũng lan tỏa mạnh mẽ. Các tín đồ ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình... lập "Hũ gạo cứu quốc" đặt tại chùa, mỗi bữa ăn bớt một nắm gạo góp vào nuôi quân theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch.

Nhiều gia đình phật tử sẵn sàng nhường nơi ở, nơi thờ Phật tại gia làm lớp học, bệnh xá, kho lương cho bộ đội. Nhà chùa cũng là nơi tiếp nhận nhiều con em của nhân dân địa phương khi họ đến chùa xin xuất gia tạm thời để tránh bị địch bắt lính, đồng thời kín đáo nuôi giấu cán bộ trong nhà, bảo vệ cơ sở cách mạng. Những hành động dung dị mà cao quý ấy đều xuất phát từ nhận thức "phụng sự đạo pháp không tách rời phụng sự dân tộc".



Cư sĩ Lê Đinh Thám (ảnh: Internet)

Một đóng góp quan trọng khác của cư sĩ Phật tử là tham gia tuyên truyền, giác ngộ quần chúng đứng lên kháng chiến. Các hội viên *Hội Phật giáo cứu quốc* thường xuyên tổ chức những buổi thuyết pháp lồng ghép nội dung yêu nước, giải thích cho đồng bào Phật tử hiểu về chính sách "đất nước độc lập, người cày có ruộng, tự do tín ngưỡng" của Việt Minh. Nhờ đó, đồng bào có đạo không còn e ngại bị kỳ thị dưới chính thể mới, trái lại họ phấn khởi vì thấy quyền tự do tín ngưỡng được tôn trọng và gắn liền với lý tưởng độc lập dân tộc.

Tại nhiều làng quê, các bô lão trong hội Phật giáo địa phương đóng vai trò nòng cốt vận động cả làng tích cực tham gia kháng chiến. Ở những nơi thực dân Pháp tạm chiếm, nhiều phật tử vẫn bí mật giữ liên lạc với cách mạng, cung cấp tin tức cho Việt Minh. Họ làm trinh sát dẫn đường, tiếp tế lương thực, thuốc men cho bộ đội trong các trận đánh úp đồn bốt địch. Có thể nói, lực lượng cư sĩ yêu nước đông đảo là một chỗ dựa vững chắc giúp Việt Minh "đi dân nhớ, ở dân thương", tạo nên hậu phương lòng dân vững mạnh.

Đáng chú ý, một số cư sĩ trí thức xuất thân từ các hội Phật học thời kỳ chấn hưng Phật giáo (1930-1945) đã trở thành những cán bộ cách mạng xuất sắc. Tiêu biểu như Bác sĩ Lê Đình Thám (pháp danh Tâm Minh) - Hội trưởng Hội Phật học Trung Kỳ, người sáng lập Gia đình Phật hóa phổ (tiền thân của Gia đình Phật tử), về sau giữ chức Ủy viên Bộ Giáo dục trong Chính phủ kháng chiến, đóng góp nhiều cho sự nghiệp văn hóa giáo dục ở hậu phương. Nhiều thanh niên,

sinh viên trong phong trào Phật học cũng tình nguyện lên đường kháng chiến ngay từ năm 1946, vừa chiến đấu vừa tích cực truyền bá tinh thần dân tộc trong giới trẻ Phật tử. Chính sự dấn thân của tầng lớp trí thức, thanh niên Phật tử này đã làm "dấy lên làn sóng đề cao tinh thần văn hóa dân tộc", góp phần thổi bùng phong trào cách mạng trong quần chúng Phật giáo khắp các tỉnh thành.

Tóm lại, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954), giới cư sĩ Phật tử Việt Nam đã tham gia kháng chiến với tinh thần hăng hái và lực lượng đông đảo chưa từng có. Theo thống kê từ các địa phương, số lượng tín đồ Phật giáo tham gia công tác kháng chiến chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số người tham gia cách mạng. Họ hiện diện trên mọi mặt trận và đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ quan trọng phục vụ cho kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, từ hậu cần, tuyên truyền, vận tải thương bệnh binh, tham gia các công tác y tế.... Chính phủ đã trao tặng nhiều huân chương Kháng chiến hạng Nhì, hạng Ba cho các tập thể Phật giáo có thành tích xuất sắc, ví dụ như Giáo hội Phật giáo tỉnh Ninh Bình được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì vì thành tích nuôi giấu cán bộ, đóng góp nhân tài vật lực cho kháng chiến chống Pháp. Điều này thể hiện sự ghi nhận chính thức đối với công lao của Phật tử đối với Tổ quốc. Như vậy, cùng với chư tôn đức Tăng Ni, lực lượng Phật tử tại gia đã hợp thành một bộ phận không tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng (Điện Biên Phủ, 1954).

3. Ý nghĩa lịch sử - xã hội của đóng góp Phật giáo

Ý nghĩa lịch sử và xã hội của những đóng góp của Phật giáo tại Việt Nam được thể hiện rõ nét qua sự hòa quyện bền chặt giữa tôn giáo và đời sống thế tục. Mối quan hệ tương hỗ này, thường được gọi là «gắn bó đạo - đời,» nhấn mạnh sự trường tồn của Phật giáo khi đồng hành cùng khát vọng của dân tộc, đảm bảo tính phù hợp và ảnh hưởng liên tục của tôn giáo trong cấu trúc xã hội. Bằng cách tham gia tích cực vào các vấn đề thế tục cùng với cộng đồng, Phật giáo thể hiện triết lý «nhập thế» của truyền thống Đại thừa, tập trung vào việc giảm thiểu khổ đau và thúc đẩy phúc lợi cộng đồng. Sự tham gia này không chỉ củng cố vị thế của Phật giáo mà còn thúc đẩy sự hòa hợp giữa các học thuyết tâm linh và bản sắc dân tộc, từ đó khẳng định vai trò của Phật giáo như một lực lượng ổn định trong bối cảnh chuyển đổi xã hội và chính trị.

Hơn nữa, sự tham gia của Phật giáo vào các nỗ lực quốc gia làm nổi bật hiệu quả của các chính sách thúc đẩy đoàn kết giữa các nhóm tôn giáo và dân tộc đa dạng, như được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng. Chính sách "đại đoàn kết toàn dân" này được minh chứng qua những đóng góp

tích cực của các Tăng Ni và tín đồ Phật giáo trong các nỗ lực chung, chẳng hạn như cuộc kháng chiến chống thực dân và công cuộc tái thiết sau chiến tranh. Bằng cách lồng ghép các cộng đồng tôn giáo vào khung khổ cách mạng rộng lớn hơn, các chính sách này thể hiện một cách tiếp cận thực tiễn nhằm khai thác ảnh hưởng tâm linh để tăng cường sự gắn kết xã hội, giảm thiểu nguy cơ chia rẽ và xây dựng một mục tiêu chung. Do đó, sự đồng hành của Phật giáo với các sáng kiến của Nhà nước đã khẳng định tầm nhìn xa của các chiến lược hòa nhập, góp phần tạo nên một chính thể quốc gia đoàn kết và bền vững hơn.



Chùa Linh Quang (ảnh: Internet)

Cuối cùng, việc huy động sức mạnh nội tại của dân tộc thông qua Phật giáo cho thấy khả năng của tôn giáo này trong việc chuyển hóa niềm tin trừu tượng thành sức mạnh cụ thể. Với khả năng truyền cảm hứng và tập hợp cộng đồng mạnh mẽ, Phật giáo đã biến lòng sùng kính tôn giáo thành hành động thực tiễn, chẳng hạn như cung cấp hỗ trợ hậu cần, động viên tinh thần và các nguồn lực cộng đồng trong thời chiến. Sự "phát huy nội lực dân tộc" này cho thấy cách mà niềm tin tâm linh có thể được chuyển hóa thành hành động tập thể, nâng cao khả năng phục hồi của xã hội và đóng góp vào những kết quả thắng lợi trong các cuộc đấu tranh lịch sử. Như vậy, vai trò xã hội của Phật giáo vượt xa các giáo lý, trở thành chất xúc tác để trao quyền cho người dân và thúc đẩy các mục tiêu quốc gia.

Kết luận

Lịch sử hiện đại Việt Nam đã chứng minh rằng, Phật giáo luôn là bộ phận không tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ

chống thực dân Pháp xâm lược, tinh thần yêu nước của Phật giáo Việt Nam lại càng tỏa sáng, đóng góp quan trọng vào thắng lợi chung của dân tộc. Giới Tăng Ni, với sứ mệnh "hoằng dương đạo pháp, bảo vệ đất nước", đã gác lại đời sống tu hành thanh tịnh để dấn thân vào cuộc đấu tranh sinh tử của dân tộc. Từ việc lập hội cứu quốc, biến chùa thành trường học, bệnh viện, đến trực tiếp tham gia tại chiến trường trong nhiều vai trò như cứu thương, nuôi quân, vận chuyển lương thực, vũ khí... thậm chí hy sinh cả tính mạng vì nền độc lập của Tổ quốc. Hàng triệu Phật tử tại gia cũng không quản ngại khó khăn, một lòng đi theo cách mạng, xem việc phụng sự đất nước là biểu hiện thiết thực của lòng từ bi cứu khổ.

Những đóng góp to lớn và phong phú của Phật giáo trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã để lại nhiều bài học lịch sử quý báu. *Thứ nhất*, đó là bài học về sự gắn bó mật thiết giữa đạo và đời: Phật giáo muốn trường tồn và phát triển thì phải luôn đồng hành cùng dân tộc, lấy mục tiêu phụng sự chúng sinh, cứu khổ cứu nạn làm lẽ sống, mà cứu khổ trong thời chiến chính là cứu nước, giành độc lập tự do cho nhân dân. *Thứ hai*, bài học về đại đoàn kết toàn dân, nhờ đường lối đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc đoàn kết tôn giáo, giới Phật giáo đã được tạo điều kiện cống hiến tài năng, tâm sức cho Tổ quốc, qua đó củng cố niềm tin của tín đồ vào sự nghiệp cách mạng, tăng cường khối đại đoàn kết lương - giáo. *Thứ ba*, bài học về phát huy nội lực dân tộc, đó là, Phật giáo với tư cách một tôn giáo gắn bó lâu đời trong đời sống dân tộc có sức động viên, cố kết cộng đồng rất lớn; khi tinh thần yêu nước được khơi dậy trong tăng tín đồ, nguồn nội lực quần chúng ấy trở thành sức mạnh vật chất to lớn góp phần đánh thắng kẻ thù xâm lược.

Có thể khẳng định, thắng lợi của cuộc kháng chiến giành độc lập và thống nhất đất nước là kết quả của sự hy sinh, nỗ lực từ mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, trong đó tầng lớp tăng ni, phật tử đã có những đóng góp đáng tự hào. Dưới ngọn cờ "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", Phật giáo Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, tích cực đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những trang sử hào hùng về Tăng Ni, Phật tử thời kháng chiến mãi là tấm gương sáng ngời cho hậu thế, khẳng định chân lý: "Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc" - đạo pháp và dân tộc luôn hòa quyện vì mục tiêu chung là hạnh phúc và an lạc cho tất cả chúng sinh trên dải đất Việt Nam.

Tác giả: **Ths Lê Thị Hường**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Chú thích:

1) Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1] Báo Dân trí (2015), *Những tăng ni "cởi áo cà sa khoác chiến bào ra trận".*

2] Bùi Hữu Dược (2023), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc*, Phật giáo Bạc Liêu.

3] Nguyễn Đại Đồng (2014), "Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 45-55.

4] Giác Ngộ Online (2009), *Vấn đề hòa bình trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1965-1973).*

5] Hồ Chí Minh (1946), "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 534-535.

6] Ngô Văn Lệ (2013), *Cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam chống Mỹ-Diệm và xu hướng nhập thế trong bối cảnh hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo 50 năm Phong trào Phật giáo miền Nam 1963-2013, Chùa Xá Lợi.

7] Nguyễn Thị Như (2019), *Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

8] Quân đội Nhân dân Cuối tuần (2017), *Người "cởi áo cà sa, khoác chiến bào".*

9] Tạp chí Nghiên cứu Phật học (2020), *Đôi điều về Phật giáo cứu quốc*.

10] Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (2014), "*Phật giáo cứu quốc và vai trò trong kháng chiến chống Pháp*", số 2, tr. 33-42.